TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc C, nơi ĐKHKTT: Khu 4, xã ML, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú ở nước ngoài: Green Residences, Taft ave, Malate, Malina, Philippines. Vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Q, nơi cư trú: Thôn ML, xã TL, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh trên Phạm Văn Quyền cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 9 năm 2010. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh

phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q nghiện ma túy, không chịu lao động, không quan tâm đến gia đình, vợ con nên dẫn đến tình cảm bị rạn nứt. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh Q nhiều lần để anh Q từ bỏ việc sử dụng ma túy nhưng anh Q không nghe, mà ngày càng lấn sâu hơn, kinh tế gia đình vì thế gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, đến năm 2019 chị quyết định đi lao động tại Philippines. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không liên lạc với nhau. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Vợ chồng đã ly thân với nhau gần 4 năm nay, mỗi người sống một nơi. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị sớm ly hôn với anh Phạm Văn Q để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Hải Nam, sinh ngày 20/8/2011 và Phạm Hải Băng, sinh ngày 10/11/2014. Hiện nay, các con chung đang ở với chị và ông bà ngoại. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, trường hợp anh Q không đồng ý để chị nuôi cả hai con chung thì chị để anh Q nuôi một con chung, chị nuôi con chung nào cũng được. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và chị không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn anh Phạm Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng như chị Phạm Thị Ngọc C trình bày là đúng. Anh Q xác nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ngoài ra do anh Q ham chơi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải song kết quả không thành. Chị C xin ly hôn với anh nhưng anh không đồng ý vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

- Về con chung: Anh Q xác nhận có hai con chung là Phạm Hải Nam, sinh ngày 20/8/2011 và Phạm Hải Băng, sinh ngày 10/11/2014. Ly hôn, anh Q đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương, lời khai của gia đình chị Phạm Thị Ngọc C thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị C, anh Q trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh Phạm Văn Q nghiện ma túy. Chị C và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Q không từ bỏ. Chị C đã đi lao động ở Philippines từ năm 2019. Vợ chồng chị C, anh Q sống

ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Chị C và các con đã trở về nhà bố mẹ đẻ chị C sinh sống.

- Về con chung: Vợ chồng chị C anh Q có hai con như anh chị trình bày, hiện nay các con chung đang ở với bố mẹ chị C. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình chị C đề nghị để chị C được nuôi cả hai con chung, còn nếu không được thì chị C nuôi dưỡng cháu nào cũng được.

Ngoài ra, tại Quyết định số 01/2021/QĐ-TA ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với anh Phạm Văn Q.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Ngọc C, anh Phạm Văn Q đều vắng mặt và xin xét xử vắng mặt, không thay đổi lời khai như đã gửi Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Phạm Văn Q xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 9 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc C. Về con chung: Đề nghị giao con chung là Phạm Hải Nam, sinh ngày 20/8/2011 cho anh Phạm Văn Q nuôi dưỡng, giao con chung là Phạm Hải Băng, sinh ngày 10/11/2014 cho chị Phạm Thị Ngọc C nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Phạm Thị Ngọc C và anh Phạm Văn Q xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Phạm Văn Q đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Phạm Văn Q có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc C hiện đang sinh sống ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Phạm Văn Q xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 9 năm 2010 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh Phạm Văn Q nghiện ma túy. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Anh Phạm Văn Q có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh Q xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là lỗi do anh ham chơi. Mặt khác trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn anh Q không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Phạm Thị Ngọc C và anh Phạm Văn Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị Ngọc C được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Phạm Văn Q có 02 con chung tên là Phạm Hải Nam, sinh ngày 20/8/2011 và Phạm Hải Băng, sinh ngày 10/11/2014. Ly hôn, chị Phạm Thị Ngọc C có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và anh Phạm Văn Q cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Các con chung có nguyện vọng được ở với chị C. Xét thấy, anh Phạm Văn Q là người nghiện ma túy nhưng đã đi cai nghiện về, chị C có điều kiện kinh tế chăm sóc con hơn anh Q nhưng hiện nay chị đi lao động ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam. Cháu Phạm Hải Nam lớn hơn cháu Phạm Hải Băng, mặt khác cháu Băng là con gái nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung, do đó cần giao con chung là Phạm Hải Nam cho anh Phạm Văn Q nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Hải Băng cho chị Phạm Thị Ngọc C nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo

quy định của pháp luật là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Phạm Văn Q xin tự giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Phạm Văn Q đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc C nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc C được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Hải Nam, sinh ngày 20/8/2011 cho anh Phạm Văn Q nuôi dưỡng; giao con chung là Phạm Hải Băng, sinh ngày 10/11/2014 cho chị Phạm Thị Ngọc C nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Q nuôi dưỡng cháu Pham Hải Nam, chị Phạm Thị Ngọc C nuôi dưỡng cháu Phạm Hải Băng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Phạm Văn Q xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở, người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Phạm Văn Q không có nợ chung, tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm . Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000291 ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Ngọc C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc C (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn Q (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp